

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

Số: 13/2021/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngọc Hồi, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 173/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ Việt Nam – Chi nhánh K; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam; địa chỉ: 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Quận H, Thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ Chi nhánh K; địa chỉ: 01A Trần Phú, phường Q, thành phố K, tỉnh K, văn bản ủy quyền số: 804/UQ-BIDV.KT ngày 22/8/2019. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Kỳ P – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch huyện N; địa chỉ: Số 915 Hùng Vương, thị trấn P huyện N, tỉnh K, văn bản ủy quyền số: 1738/UQ-BIDV.KT ngày 11/11/2020.

- Bị đơn: Ông A M; sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Y BL; sinh ngày: 08/8/1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K.

2. Chị Y B; sinh ngày: 07/3/1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K.

3. Anh A B; sinh ngày: 20/8/1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông A M và bà Y BL công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh K, tổng số tiền tính đến ngày 18/01/2021 là 90.275.644đ (*Chín mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*); Nợ lãi là 20.275.644đ (*Hai mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn bốn đồng*); Lãi trong hạn là 15.688.438đ (*Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm ba tám đồng*), lãi quá hạn là 4.587.205đ (*Bốn triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm linh năm đồng*). Ông A M và bà Y BL đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 18/01/2021 là 90.275.644đ (*Chín mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn bốn đồng*) và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/01/2021 cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh K. Thời hạn ông A M và bà Y BL trả toàn bộ số tiền nợ 90.275.644đ (*Chín mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn bốn đồng*) và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/01/2021 cho Ngân hàng là ngày 01/5/2021.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án, thì bên phải thi hành án ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà bên phải thi hành án phải thanh toán cho bên được thi hành án theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/01/2021, thì kể từ ngày 19/01/2021 bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Trường hợp ông A M và bà Y BL không trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh K thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7046138/HĐBĐ ngày 08/4/2015 là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 582917 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 28/9/2006, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất H01090, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 56 và toàn bộ tài sản gắn liền trên thửa đất; địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh K, mang tên hộ ông A M để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông A M và bà Y BL để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Căn cứ Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông A M và bà Y BL phải trả lại cho Ngân hàng Đ Việt Nam – Chi nhánh K số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án; Ông A M và bà Y BL phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.257.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng Đ Việt Nam – Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.190.000đ (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2016/0002578 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Bá Khen